

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/LĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt HĐLĐ,
về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-LĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-LĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Duy H, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 40, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh G.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà 9 tầng, số 01, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân C, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đ; anh Nguyễn Tiến M – Kế toán công ty. (Văn bản ủy quyền số 07 ngày 27/7/2020; văn bản ủy quyền số 06 ngày 18/6/2020 – ông C có mặt, anh M vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm Xã hội, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hồng H– chức vụ: Trưởng phòng Quản lý thu (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2020 – có mặt)

2. Ông Nguyễn Viết T, nơi làm việc: Công ty Cổ phần Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà 9 tầng, số 01, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh G.

3. Anh Nguyễn Danh T, sinh năm 1975 (vắng mặt- có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Số 22, tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Duy H trình bày:

Tháng 6/1996 anh vào làm việc tại Công ty Bia, nước giải khát HaBaDa. Tháng 3/2003 anh chuyển sang làm tại Công ty Cổ phần Đ (viết tắt là Công ty Nhà) và ký hợp đồng lao động với Công ty nhà, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là cán bộ kỹ thuật. Năm 2006, Công ty nhà thành lập Xí nghiệp DVTMXD, anh được phân công trực tiếp làm việc tại Xí nghiệp. Từ 01/4/2007 đến tháng 3/2018 tiền lương hàng tháng của anh trực tiếp do Xí nghiệp chi trả. Khoản tiền nộp bảo hiểm xã hội bắt buộc cho anh do Xí nghiệp nộp; đối với khoản tiền bảo hiểm anh phải nộp thì hàng tháng khi thanh toán lương Xí nghiệp trực tiếp trừ vào tiền lương của anh.

Từ tháng 3/2018 đến khi nghỉ việc tại Công ty, tiền lương do ông T trực tiếp chi trả theo Biên bản cuộc họp ngày 16/3/2018 còn ông T trả lương với tư cách cá nhân ông T hay tư cách là người đại diện theo pháp luật cho Công ty thì anh không rõ. Thời gian này anh không trực tiếp nhận tiền lương do bộ phận kế toán của Công ty hay Xí nghiệp chi trả.

Ngày 26/12/2018, anh có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động gửi Công ty nhà do sức khỏe không phù hợp với công việc hiện tại. Đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động được Công ty tiếp nhận ngày 03/01/2019. Tuy nhiên, Công ty không có văn bản nào về việc đồng ý hay không đồng ý cho anh chấm dứt hợp đồng lao động hoặc cho nghỉ việc nên sau khi gửi đơn anh vẫn thường xuyên đến làm việc tại Công ty. Ngày 20/02/2019, anh chính thức nghỉ việc tại Công ty nhà.

Sau khi nghỉ việc, Công ty chưa thanh toán, giải quyết bất cứ chế độ, quyền lợi gì cho anh theo quy định pháp luật. Anh xác định việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty là đúng quy định pháp luật bởi trước khi nghỉ anh đã thực hiện việc báo trước cho Công ty là 45 ngày.

Anh tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1998 đến tháng 02/2019, tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 02/2019, hình thức đóng là hàng tháng Công ty trừ thẳng vào lương của anh. Từ tháng 02/2019, sau khi nghỉ việc tại Công ty anh không nộp tiền vào Công ty để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nữa.

Do sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty không làm quyết định nghỉ việc, không giải quyết chế độ gì nên anh khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Công ty Cổ phần Đ làm quyết định cho anh Hnghỉ việc;
- Buộc Công ty Cổ phần Đ nộp số tiền nợ bảo hiểm trong thời gian từ tháng 10/2016 đến hết tháng 02/2019 là 51.474.814 đồng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang;
- Buộc Công ty Cổ phần Đ chốt thời gian tham gia bảo hiểm cho anh Hải, thời gian chốt từ tháng 7/1998 đến tháng 02/2019.
- Buộc Công ty nhà hoàn trả số tiền 5.191.200đồng tại Phiếu thu ngày 03/01/2019.

Đối với các yêu cầu: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải làm thủ tục thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật là 10 tháng x 2.966.400đồng/tháng = 29.664.000đồng; chi trả tiền lương trong thời gian từ ngày 03/01/2019 đến 18/02/2019, số tiền là 6.000.000 đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc, số tiền 60.000.000đồng; tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh đã xin rút các yêu cầu này.

Căn cứ anh yêu cầu Công ty Nhà phải nộp số tiền bảo hiểm 51.474.814 đồng vào Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang: Theo cung cấp của Bảo hiểm Xã hội tỉnh B thì tính đến hết tháng 4/2020, Công ty nhà còn nợ BHXH là 1.673.281.830 đồng, Công ty mới đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động đến hết tháng 9/2016. Tuy nhiên, từ khi vào làm việc tại Công ty bia Habada tháng 7/1998 đến hết tháng 02/2019, anh đều thực hiện nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm, hình thức nộp là hàng tháng người sử dụng lao động trực tiếp trích trừ từ tiền lương của người lao động. Từ tháng 3/2018, Công ty Cổ phần Đ trả lương cho anh theo mức lương khoán là 4000.000đồng/tháng (theo Biên bản họp ngày16/3/2018), về nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội anh phải đóng thì ông Nguyễn Việt Thành - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ đóng nộp cho anh. Theo tính toán của Bảo hiểm Xã hội tỉnh B thì số tiền bảo hiểm Công ty chưa nộp cho anh tính từ tháng 10/2016 đến tháng 2/2019 là 51.474.814 đồng.

Căn cứ yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 5.191.200 đồng: Theo Biên bản cuộc họp ngày 16/3/2018 do ông Nguyễn Việt T - Chủ tịch HĐQT chủ tọa thì mức lương khoán anh được hưởng là 4000.000đồng/tháng, còn các khoản BHXH khác và toàn bộ phần trích nộp của người lao động theo quy định pháp luật do ông T - Chủ tịch HĐQT trả. Tuy nhiên, sau đó Công ty lại yêu cầu anh phải nộp lại số tiền 5.191.200 đồng (là khoản tiền bảo hiểm 10,5% người lao động phải nộp). Như vậy, việc Công ty thu của anh số tiền 5.191.200 đồng là sai với quy định pháp luật và trái với Biên bản cuộc họp công ty ngày 16/3/2018.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Tháng 3/2003, anh Hký hợp đồng lao động với Công ty Nhà, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là cán bộ kỹ thuật. Từ 01/6/2006, anh Hđược điều chuyển đến Xí nghiệp dịch vụ thương mại – xây dựng thuộc Công ty Nhà theo Quyết định số 29/QĐ-GĐ ngày 31/5/2007. Từ 01/4/2007, Xí nghiệp tự hạch toán, quản lý riêng theo Quyết định số 29 ngày 28/3/2007. Toàn bộ khoản tiền lương và các chế độ khác, các khoản thu nộp bảo hiểm của anh Hdo Xí nghiệp trực tiếp chi trả, sau khi trừ đi các khoản phải nộp về Công ty (anh Hphải đóng 20%; Xí nghiệp phải đóng 80%). Từ năm 2006 đến năm 2018 Xí nghiệp dịch vụ thương mại - Xây dựng mà anh Hlà thành viên vẫn đang nợ tiền bảo hiểm chưa chuyển về Công ty là 130.261.331 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/02/2017, Công ty đã yêu cầu Xí nghiệp trả nợ nhưng đến nay chưa thành viên nào trong Xí nghiệp nhận trách nhiệm về số nợ trên.

Anh Htham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1998 đến nay; tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến nay, tuy nhiên từ tháng 6/2006 việc thu nộp bảo hiểm của anh Hdo Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng thuộc Công ty Cổ phần Đ chịu trách nhiệm.

Ngày 26/12/2018, anh Hcó đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động gửi Công ty nhà do sức khỏe không phù hợp với công việc hiện tại. Đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của anh Hđược Công ty tiếp nhận ngày 03/01/2019. Sau khi tiếp nhận đơn, Công ty không có văn bản nào về việc đồng ý hay không đồng ý cho anh Hchấm dứt hợp đồng lao động. Anh Hchính thức nghỉ việc tại Công ty vào ngày 03/01/2019 lý do ngày 30/01/2019 khi Công ty thanh toán trả tiền lương cho anh Hải, Công ty yêu cầu anh Hnộp lại số tiền bảo hiểm là 5.191.200 đồng, do thời điểm đó không có việc nên ông T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho anh Hnghỉ việc luôn- việc này chỉ nói miệng, không có văn bản giấy tờ. Khi anh Hnghỉ việc thì Công ty chưa giải quyết bất cứ chế độ gì cho anh Hkể cả việc chốt thời gian tham gia bảo hiểm cho anh Hải, lý do Công ty đang nợ tiền bảo hiểm. Anh Hnghỉ việc tại Công ty từ tháng 01/2019 nhưng đến nay Công ty không báo giảm bảo hiểm xã hội vì Công ty chưa có quyết định nghỉ việc cho anh Hải.

Quan điểm của Công ty đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hnhư sau:

- Đối với yêu cầu của anh Hvề việc buộc Công ty nộp tiền cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh B để hoàn tất thủ tục chốt bảo hiểm, thời điểm tháng 7/1998 đến tháng 02/2019 thì Công ty không đồng ý vì:

+ Từ 01/6/2006 anh Hđược điều chuyển đến Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng thuộc Công ty Cổ phần Đ nên toàn bộ khoản tiền lương và các chế độ khác của anh Hdo Xí nghiệp trực tiếp chi trả, Công ty chỉ quản lý về mặt tổ chức, con người. Do vậy, từ tháng 6/2006 đến khi anh Hnghỉ việc trong bảng lương của Công ty không thể hiện có tên anh Hải, không thể hiện phần thu nộp tiền bảo hiểm của anh H(phần anh Hphải nộp và phần người sử dụng lao động phải nộp cho anh Hải). Từ tháng 3/2018 anh Hđược điều động từ Xí nghiệp dịch vụ thương mại xây

dựng sang Phòng Hành chính – tổng hợp của Công ty nhà, tuy nhiên việc điều động này chỉ về mặt tổ chức còn về tiền lương thì từ tháng 3/2018 anh H không có tên trong bảng lương của Công ty, khoản tiền lương của anh H theo lương khoán tạm thời do ông T – Chủ tịch HĐQT Công ty chi trả - theo Biên bản cuộc họp ngày 16/3/2018. Điều đó cũng có nghĩa là thời điểm này Công ty nhà không phải là đơn vị chi trả lương cho anh H nên khoản tiền bảo hiểm của anh H từ tháng 3/2018 đến khi anh H nghỉ việc anh H phải có nghĩa vụ nộp hoàn toàn (là 32%).

+ Từ năm 2006 đến khi anh H nghỉ việc tại Công ty (ngày 03/01/2019) ngoài Phiếu thu ngày 03/01/2019 không có bất cứ tài liệu, giấy tờ nào thể hiện Công ty trả lương cho anh H hoặc Công ty trừ tiền lương của anh H để nộp tiền bảo hiểm.

+ Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/02/2017 thì tính đến ngày 31/01/2017 Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng còn nợ tiền bảo hiểm chưa nộp về Công ty là 130.261.331 đồng, số tiền nợ bảo hiểm này là của 07 người lao động trong đó có anh Hải.

+ Trách nhiệm nộp số tiền bảo hiểm còn thiếu như anh Hyêu cầu thuộc Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng. Về mặt pháp lý Xí nghiệp vẫn tồn tại tồn tại nhưng về thực tế thì Xí nghiệp ngừng hoạt động từ năm 2018 theo Quyết định của Công ty Cổ phần Đ.

- Đối với yêu cầu của anh H về việc yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền đã thu là 5.191.200 đồng, Công ty không đồng ý vì về mặt tổ chức thì anh H vẫn là người của Công ty, thời điểm từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 Công ty không phải là đơn vị chi trả lương của anh H nên việc anh H nộp tiền bảo hiểm 10,5% là đúng.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Danh T trình bày:

Anh được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ Thương mại - Xây dựng Công ty Cổ phần Đ kể từ ngày 01/10/2016 đến khoảng tháng 01/2018. Thực tế Xí nghiệp dịch vụ Thương mại - Xây dựng đã giải thể, ngừng hoạt động từ khoảng tháng 1/2018.

Anh Trần Duy H vào làm việc tại Công ty Cổ phần Đ từ thời gian nào anh không rõ, anh H trực tiếp ký hợp đồng lao động với Công ty. Theo thông tin anh biết được thì từ 01/6/2006 anh H được điều chuyển đến Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng thuộc Công ty nhà, toàn bộ khoản tiền lương và các chế độ khác của anh H do Xí nghiệp đứng ra trực tiếp chi trả. Đối với khoản tiền BHXH người sử dụng lao động nộp cho người lao động (trong đó có anh Hải) thì Xí nghiệp nộp. Tuy nhiên, do Xí nghiệp hoạt động làm ăn không hiệu quả nên dẫn đến vẫn còn nợ tiền bảo hiểm.

Xí nghiệp hoạt động theo hình thức tập thể cùng làm cùng hưởng, mọi thành viên đều có quyền lợi và nghĩa vụ chung trong bộ phận. Đối với khoản tiền bảo hiểm người lao động (trong đó có anh Hải) phải nộp thì hàng tháng khi trả lương Xí nghiệp trực tiếp trừ vào tiền lương và nộp về Công ty. Từ khi Xí nghiệp giải

thể, do Xí nghiệp hoạt động làm ăn không hiệu quả nên Xí nghiệp chỉ thanh toán tiền lương cho nhân viên, khi thanh toán tiền lương không trừ các khoản người lao động phải nộp trong đó có tiền bảo hiểm. Từ tháng 12/2017 đến khoảng tháng 01/2018 Xí nghiệp hoạt động không hiệu quả nên không có tiền trả lương cho nhân viên.

Theo trình bày của Công ty nhà, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/02/2017 thì từ năm 2006 đến năm 2018 Xí nghiệp dịch vụ thương mại - Xây dựng vẫn đang nợ tiền bảo hiểm chưa chuyển về Công ty là 130.261.331 đồng. Khoản tiền nợ này bao gồm cả khoản nợ bảo hiểm người sử dụng lao động phải nộp cho người lao động và khoản tiền bảo hiểm người lao động phải nộp trong đó có anh Hải. Khoản nợ nêu trên là của chung 7 người lao động trong Xí nghiệp trong đó có anh Trần Duy H. Do Xí nghiệp hoạt động trên nguyên tắc làm chung, hưởng chung nên tất cả 7 người lao động đều phải có trách nhiệm chung đối với khoản nợ này, chưa có cơ sở phân chia trách nhiệm cho từng cá nhân.

Anh không đồng ý về việc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Bắc Giang cho rằng trách nhiệm nộp số tiền bảo hiểm còn thiếu như anh Hyêu cầu thuộc Xí nghiệp dịch vụ thương mại - Xây dựng vì: Thực tế Xí nghiệp đã ngừng hoạt động, giải thể từ tháng 01/2018 trong khi số tiền nợ theo Bảo hiểm xã hội cung cấp từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2019; Xí nghiệp là bộ phận trực thuộc Công ty, xí nghiệp đã giải thể từ tháng 01/2018.

Đối với số tiền nợ bảo hiểm 130.261.331 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/02/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Bắc Giang với Xí nghiệp dịch vụ thương mại - Xây dựng anh không đề nghị xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại văn bản số 199/BHXX- QLT ngày 18/3/2020, Văn bản ý kiến ngày 04/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm Xã hội tỉnh B trình bày:

Công ty Nhà là đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD -BNN tại BHXH thành phố Bắc Giang (từ ngày 01/01/2020 BHXH thành phố Bắc Giang sáp nhập vào BHXH tỉnh). Ông Trần Duy H là người lao động của đơn vị hiện vẫn đang tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN (thông tin đầy đủ về số bảo hiểm của ông Hải: Số sổ BHXH 8499001802 do BHXH thành phố Bắc Giang cấp đổi lại ngày 26/5/2028). Căn cứ vào dữ liệu phần mềm quản lý người tham gia BHXH BHYT, BHTNLD - BNN của cơ quan BHXH tính đến hết tháng 4/2020, tổng thời gian tham gia BHXH của ông Hải là 21 năm 09 tháng (từ tháng 7/1998 đến tháng 03/2003 tham gia BHXH tại Công ty Bia nước giải khát HABADA, từ tháng 03/2003 đến tháng 4/2020 tham gia BHXH tại Công ty nhà).

Căn cứ số liệu thu nộp BHXH tỉnh đang quản lý tính đến 29/02/2020 Công ty Nhà còn 08 người lao động tham gia. Tính đến hết tháng 4/2020, Công ty còn nợ số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTNLD - BNN là 1.673.281.830 đồng, đóng BHXH

bắt buộc cho người lao động đến hết tháng 9/2016, đóng BHTN đến hết tháng 4/2017. Căn cứ Điều 85, Điều 86 Luật BHXH; Điều 7 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam thì hàng tháng chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng BHXH bắt buộc trên quỹ tiền lương tháng của những người lao động tham gia BHXH bắt buộc đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH.

Tính đến 16/3/2020, Công ty chưa thực hiện báo giảm tham gia BHXH cho ông Trần Duy H. Theo bản tạm tính số phải đóng xác nhận chốt sổ BHXH của đơn vị nợ đối với Trần Duy H từ tháng 10/2016 đến thời điểm đề nghị xác nhận chốt sổ BHXH tháng 02/2019, số tiền chậm đóng là: BHXH= 34.556.100đ; BHYT = 6.148.845đ; BHTN =2.732.820đ; BHTNLĐ-BNN = 462.800đ; số tiền lãi chậm đóng là: BHXH = 6.237.581đ; BHYT = 812.532đ; BHTN =481.515đ; BHTNLĐ-BNN =43.341đ. Tổng cộng: 51.474.814 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan cũng như quyền lợi của người lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN, Công ty nhà phải có trách nhiệm nộp đầy đủ số tiền nợ BHXH, BHTN đến thời điểm anh Hchấm dứt hợp đồng lao động và làm thủ tục chốt sổ BHXH để trả cho anh Htheo quy định. Nếu không chốt được sổ BHXH thì không có căn cứ để cơ quan BHXH giải quyết các chế độ về BHXH, BHTN cho người lao động. Cơ quan bảo hiểm xã hội không thu BHXH trực tiếp với người lao động mà thu thông qua đơn vị sử dụng lao động, toàn bộ các khoản nợ BHXH, BHYT, BHTN đơn vị sử dụng lao động có trách nhiệm nộp trả Cơ quan BHXH.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết T đã được nhận Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2020: Tòa án hoãn phiên tòa do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa ngày 17/9/2020:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

+ Buộc Công ty Nhà: Làm quyết định cho anh Hnghỉ việc; nộp số tiền nợ bảo hiểm từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2019 là 51.474.814 đồng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang; chốt thời gian tham gia bảo hiểm cho nguyên đơn, thời gian chốt từ tháng 7/1998 đến tháng 02/2019; hoàn trả số tiền 5.191.200đồng tại Phiếu thu ngày 03/01/2019.

+ Nguyên đơn xin rút yêu cầu: Buộc Công ty nhà thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp là 29.664.000đồng; trả tiền lương trong thời gian từ ngày 03/01/2019 đến 18/02/2019 số tiền là 6.000.000đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc, số tiền 60.000.000 đồng;

- Bị đơn giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không trình bày bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty phải làm Quyết định nghỉ việc đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm Xã hội tỉnh B trình bày: Bảo hiểm Xã hội tỉnh B không nhận được bất kỳ văn bản nào của Công ty nhà về việc đề nghị Cơ quan bảo hiểm dừng đóng bảo hiểm xã hội đối với anh H vì lý do anh H không nộp tiền bảo hiểm xã hội. Theo tạm tính số phải đóng xác nhận chốt sổ BHXH của đơn vị nợ đối với Trần Duy H từ tháng 10/2016 đến thời điểm đề nghị xác nhận chốt sổ BHXH tháng 02/2019 là 51.474.814 đồng. Trách nhiệm nộp số tiền nợ này thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động - Công ty Nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang; anh Nguyễn Danh T) chấp hành đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết T chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc Công ty Cổ phần Đ làm văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động với anh Trần Duy H.

+ Buộc Công ty Cổ phần Đ phải nộp số tiền nợ bảo hiểm từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2019 cho anh Trần Duy H vào quỹ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang, tổng số tiền là 51.474.814 đồng.

+ Buộc Công ty Cổ phần Đ phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho anh Trần Duy H, thời gian từ tháng 7/1998 đến tháng 02/2019.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy H về việc buộc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị tỉnh Bắc Giang hoàn trả số tiền 5.191.200 đồng theo Phiếu thu ngày 03/01/2019.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy H về việc: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp số tiền là 29.664.000 đồng; trả tiền lương trong thời gian từ ngày 03/01/2019 đến 18/02/2019 số tiền là 6.000.000 đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc số tiền là 60.000.000 đồng;

+ Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Danh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với những người trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Duy Hải khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ làm quyết định cho anh Hnghỉ việc, nộp số tiền bảo hiểm là 51.474.814 đồng cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh B để hoàn tất thủ tục chốt thời gian tham gia bảo hiểm cho anh Hải; hoàn trả số tiền bảo hiểm đã thu sai là 5.191.200đồng. Đây là tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động về chấm dứt hợp đồng lao động, về bảo hiểm xã hội theo qui định về pháp luật bảo hiểm xã hội. Căn cứ điểm a,b,d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bồi thường thiệt hại, về bảo hiểm xã hội”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[3] Về việc chấm dứt hợp đồng lao động:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai bị đơn, tài liệu do nguyên đơn cung cấp (bản gốc Hợp đồng lao động ngày 01/8/2003) xác định: Ngày 01/8/2003, giữa Công ty Cổ phần Đ và anh Trần Đình Hải đã ký kết Hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

[3.3] Sau khi ký hợp đồng lao động, anh H vào làm việc tại Công ty Nhà. Ngày 26/12/2018, anh H có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động vì sức khỏe không phù hợp với công việc hiện tại, Đơn được Công ty tiếp nhận ngày 03/01/2019. Mặc dù sau khi tiếp nhận đơn, Công ty không có văn bản nào về việc đồng ý hay không đồng ý cho chấm dứt hợp đồng lao động hoặc cho nghỉ việc nhưng theo lời khai bị đơn thì ngày 03/01/2019 khi tiếp nhận đơn xin nghỉ việc của anh H do thời điểm đó Công ty không có việc nên ông T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho anh H nghỉ việc luôn, việc này chỉ nói miệng, không làm Quyết định cho nghỉ (BL128-129). Anh H xác định do sau khi Công ty tiếp nhận đơn, Công ty không có văn bản nào về việc cho nghỉ việc nên anh H vẫn thường xuyên đến làm việc tại Công ty và chính thức nghỉ việc tại Công ty nhà vào 20/02/2019.

[3.4] Tại khoản 3 Điều 37 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày*”. Hợp đồng lao động anh H ký với Công ty Nhà là loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 26/12/2018, anh H có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động, được Công ty tiếp nhận ngày 03/01/2019, ngay khi tiếp nhận đơn Công ty đồng ý cho anh H nghỉ nhưng đến ngày 20/02/2019 anh H chính thức nghỉ việc tại Công ty. Như vậy, anh H đã thực hiện nghĩa vụ báo trước 45 ngày nên việc anh H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là đúng pháp luật.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Nhà phải làm Quyết định nghỉ việc: Việc anh Hđơn phung chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Nhà là đúng pháp luật. Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động. Ngày 03/01/2019, Công ty Nhà tiếp nhận đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của anh Hải, đồng ý cho anh Hnghỉ việc nhưng không có văn bản thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động với anh Hlà chưa đảm bảo quyền lợi cho anh Hải. Do vậy, việc anh Hyêu cầu Công ty Nhà phải ra quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu buộc Công ty Nhà phải nộp tiền số tiền nợ bảo hiểm là 51.474.814 đồng; yêu cầu chốt thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của nguyên đơn:

[4.2.1] Tại khoản 3 Điều 47 Bộ luật lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội, những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động. Công ty Nhà xác nhận anh Htham gia bảo hiểm tại Công ty Nhà, Công ty chưa chốt thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho anh Hải. Bảo hiểm Xã hội tỉnh B xác nhận anh Hcó thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tính đến hết tháng 4/2020, tổng thời gian tham gia BHXH là 21 năm 09 tháng. Tuy nhiên, anh Htrình bày thực tế chỉ đóng bảo hiểm đến hết tháng 02/2019 nên chỉ đề nghị chốt thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 7/1998 đến hết tháng 02/2019. Theo tạm tính của Bảo hiểm xã hội thì số tiền Công ty Nhà còn chậm nộp đối với anh Htừ tháng 10/2016 đến thời điểm đề nghị xác nhận chốt sổ BHXH tháng 02/2019 số tiền chậm đóng là: BHXH= 34.556.100đ; BHYT = 6.148.845đ; BHTN =2.732.820đ; BHTNLĐ-BNN =462.800đ; số tiền lãi chậm đóng là: BHXH = 6.237.581đ; BHYT = 812.532đ; BHTN =481.515đ; BHTNLĐ-BNN =43.341đ. Tổng cộng: 51.474.814 đồng.

[4.2.2] Tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động: “*Phối hợp với Cơ quan BHXH trả sổ BHXH cho người lao động, xác nhận thời gian đóng BHXH khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật*”. Theo quy định tại khoản 3.2 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam: “*Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động*”. Bảo hiểm Xã hội tỉnh B xác định, Công ty nhà có

trách nhiệm phải nộp đầy đủ số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN đến thời điểm anh Hchấm dứt hợp đồng lao động và làm thủ tục chốt sổ BHXH cho anh Htheo quy định.

[4.2.3] Công ty Nhà cho rằng trách nhiệm nộp số tiền bảo hiểm còn thiếu như anh Hyêu cầu thuộc Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng; từ 01/6/2006 Công ty Nhà không phải là đơn vị chi trả lương cho anh Hnên khoản tiền bảo hiểm của anh Htừ 01/6/2006 do Xí nghiệp trực tiếp thu nộp, Công ty chỉ quản lý về mặt tổ chức, con người nên trong bảng lương của Công ty không thể hiện có tên anh Hải, không thể hiện phần thu nộp tiền bảo hiểm của anh H(phần anh Hphải nộp và phần người sử dụng lao động phải nộp cho anh Hải);tháng 3/2018 việc trả lương cho anh Hdo ông T chi trả (thể hiện tại biên bản cuộc họp ngày 16/3/2018) thì thấy:

Ngày 01/8/200, anh Hký hợp đồng lao động với Công ty nhà. Ngày 31/5/2006 anh Hđược điều động đến làm việc tại Xí nghiệp dịch vụ thương mại – Xây dựng thuộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị Bắc Giang (BL 118), trong thời gian làm việc tại Xí nghiệp, anh Hvẫn được hưởng các chế độ của Công ty – được Công ty nâng lương (BL 119 -120). Ngày 16/3/2018 anh Hđược điều động đến làm việc tại Phòng hành chính – Tổng hợp của Công ty Nhà kể từ ngày 16/3/2018 theo Quyết định số 02/QĐ-GĐ (BL14).

Tại Quyết định số 29/QĐ-GĐ ngày 28/3/2007 của Giám đốc Công ty Nhà về việc chuyển Xí nghiệp dịch vụ thương mại sang tự hoạch toán kinh doanh tòa nhà 9 tầng có nêu rõ: *“Xí nghiệp dịch vụ thương mại có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ do công ty phân công quản lý kinh doanh theo các văn bản quy định của Công ty; sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Xí nghiệp, theo Điều lệ hoạt động của công ty”*.

Như vậy, về mặt pháp lý từ tháng 7/1998 đến tháng 02/2019 anh Hvẫn là nhân viên Công ty, được hưởng lương và các chế độ khác của Công ty (Điều 3 Quyết định Điều động số 02 – BL 14). Xí nghiệp dịch vụ thương mại là đơn vị trực thuộc Công ty; trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động đến khi anh Hcó đơn xin nghỉ việc, Công ty chưa có văn bản nào chấm dứt hợp đồng lao động với anh Hải. Theo trình bày của Bảo hiểm Xã hội tỉnh B thì Cơ quan bảo hiểm xã hội không thu BHXH trực tiếp với người lao động mà thu thông qua đơn vị sử dụng lao động, toàn bộ các khoản nợ BHXH, BHYT, BHTN đơn vị sử dụng lao động có trách nhiệm nộp trả Cơ quan BHXH.

[4.2.4] Từ những căn cứ phân tích, đánh giá nêu trên xác định trách nhiệm nộp số tiền bảo hiểm còn thiếu vào Bảo hiểm Xã hội tỉnh B để chốt thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho anh Hlà trách nhiệm của Công ty Nhà. Do vậy, yêu cầu của anh Hvề việc buộc Công ty Nhà nộp số tiền bảo hiểm còn thiếu là 51.474.814 đồng vào Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang, chốt thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, thời gian chốt từ tháng 7/1998 đến tháng 2/2019 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả số tiền 5.191.200 đồng theo Phiếu thu ngày 03/01/2019:

Tại Phiếu thu ngày 03/01.2019 có ghi: “*Họ và tên người nộp tiền – Trần Duy H; địa chỉ: Phòng tổ chức hành chính tổng hợp; lý do nộp: Ông Hải nộp tiền bảo hiểm từ T3 –T12/2018 (10,5% NLĐ phải nộp); số tiền 5.191.200 đồng cho Công ty nhà*”

Công ty Nhà là đơn vị tham gia BHXH,BHYT,BHTNLĐ-BNN tại BHXH tỉnh Bắc Giang. Anh Trần Duy H là người lao động của đơn vị hiện vẫn đang tham gia BHXH,BHYT,BHTNLĐ - BNN. Theo lời khai nguyên đơn thì nguyên đơn tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1998 đến hết tháng 2/2019, hình thức nộp bảo hiểm là hàng tháng Công ty (Xí nghiệp) trừ vào tiền lương của nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận từ tháng 3/2018 đến khi nghỉ việc tại Công ty, nguyên đơn không trực tiếp nhận tiền lương do bộ phận kế toán của Công ty hay Xí nghiệp chi trả. Theo trình bày của Bảo hiểm Xã hội tỉnh B (BL 83) thì hàng tháng người lao động phải đóng: BHXH- 8%; BHYT -1,5%; BHTN- 1% , tổng cộng là 10,5%. Căn cứ vào các Điều 19, 85, 86, 91 của Luật BHXH, Luật BHYT; Điều 32 Thỏa ước lao động tập thể của Công ty Nhà thì việc Công ty thu số tiền bảo hiểm của anh H là có căn cứ nên yêu cầu của anh H về việc buộc Công ty hoàn trả số tiền 5.191.200 đồng là không có cơ sở.

[5] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp số tiền là 29.664.000đồng; trả tiền lương trong thời gian từ ngày 03/01/2019 đến 18/02/2019 số tiền là 6.000.000 đồng; trả tiền trợ cấp thôi việc số tiền là 60.000.000đồng. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ các yêu cầu này.

[6] Đối với số tiền bảo hiểm còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/02/2017 do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, nếu sau này có yêu cầu các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí:

- Công ty Nhà phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; anh Trần Duy H phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 22; khoản 3 Điều 37; Điều 47 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ làm văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động (thời gian chấm dứt từ 20/02/2019) đối với anh Trần Duy H, sinh năm sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 40, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh G.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần Đ nộp số tiền nợ bảo hiểm từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2019 cho anh Trần Duy H vào quỹ Bảo hiểm Xã hội tỉnh B tổng số tiền là 51.474.814 đồng (*bằng chữ: Năm mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm mười bốn đồng*) trong đó: Tiền BHXH= 34.556.100đ; BHYT = 6.148.845đ; BHTN =2.732.820đ; BHTNLĐ-BNN =462.800đ; số tiền lãi chậm đóng là: BHXH = 6.237.581đ; BHYT = 812.532đ; BHTN =481.515đ; BHTNLĐ-BNN =43.341đ

1.3. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho anh Trần Duy H, thời gian từ tháng 7/1998 đến tháng 02/2019.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy H về việc buộc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị tỉnh Bắc Giang hoàn trả số tiền 5.191.200 đồng theo Phiếu thu ngày 03/01/2019.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy H về việc:

- Buộc Công ty Cổ phần Đ phải làm thủ tục thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp số tiền là 29.664.000đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ trả tiền lương trong thời gian từ ngày 03/01/2019 đến 18/02/2019 số tiền là 6.000.000 đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần Đ trả tiền trợ cấp thôi việc số tiền là 60.000.000đồng;

4. Về án phí:

- Công ty Nhà phải chịu 1.844.200đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Anh Trần Duy H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.042.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000946 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Hoàn trả anh Trần Duy H tiền tạm ứng án phí còn lại.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

